

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá,
kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu đối với một số
sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực
nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Xét đề nghị của Sở Nông Nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 419/TTr-
SNNMT ngày 10 tháng 6 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định về tiêu chí, tiêu
chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm
thu đối với một số sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực
nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: Quy định về tiêu chí, tiêu
chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm
thu một số sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông
nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện các quy định tại Điều 1 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Kho bạc nhà nước thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Sỹ Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu một số sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu đối với sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Hà Nội sau đây:

1. Công tác phối giống (thụ tinh nhân tạo) bằng tinh bò thịt, bò sữa chất lượng cao và lợn giống cao sản trên địa bàn Thành phố;
2. Bảo vệ và phát triển rừng;
3. Hoạt động nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã;
4. Duy tu, bảo dưỡng đê điều;
5. Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi;
6. Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước
7. Dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm và đánh giá, chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp;
8. Phân tích, kiểm nghiệm vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;
9. Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, mô hình;
10. Hoạt động phát triển sản xuất nông nghiệp trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản;
11. Theo dõi, đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;
12. Tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội;
13. Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống gà mía 01 ngày tuổi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- Đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp sản phẩm, dịch vụ.

- Tổ chức, cá nhân tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ công phù hợp với yêu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của Nhà nước; các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

CHƯƠNG II.**QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG
VÀ ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG****Điều 3. Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng**

Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn trích dẫn tại Quy định kèm theo Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Đánh giá, kiểm định chất lượng

1. Việc đánh giá chất lượng dịch vụ được thực hiện theo các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp đánh giá và yêu cầu đáp ứng theo các quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này. Cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ phải tự đánh giá chất lượng dịch vụ trong suốt quá trình thực hiện dịch vụ.

2. Khi phát hiện sai sót trong quá trình cung ứng các dịch vụ, các cơ quan được giao quản lý thực hiện nhiệm vụ yêu cầu bên cung ứng dịch vụ khắc phục, xử lý các sai sót, các vấn đề phát sinh trong quá trình cung ứng dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ công.

3. Trong quá trình kiểm tra, đánh giá, chủ đầu tư muốn kiểm định chất lượng dịch vụ sẽ tiến hành thuê các đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định thực hiện kiểm định chất lượng sản phẩm, dịch vụ công (nếu cần). Kinh phí thực hiện kiểm định được chi từ kinh phí chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG III. QUY CHẾ KIỂM TRA, NGHIỆM THU DỊCH VỤ

Điều 5. Mục đích kiểm tra, nghiệm thu

1. Đảm bảo việc chấp hành quyết định phê duyệt nội dung và dự toán nhiệm vụ, quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến việc thực hiện dịch vụ.

2. Phát hiện những sai sót, vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ để kịp thời xử lý, khắc phục hoặc loại bỏ các sản phẩm không đảm bảo chất lượng.

3. Xác nhận kết quả thực hiện, xác định giá trị thanh toán của từng hạng mục công việc theo niên độ hoặc toàn bộ dịch vụ làm căn cứ quyết toán kinh phí thực hiện dịch vụ hoàn thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 6. Nguyên tắc kiểm tra, nghiệm thu

1. Việc kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện dịch vụ phải được thực hiện thường xuyên trong quá trình thực hiện; kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu phải được lập trên cơ sở tiến độ thực hiện dịch vụ.

2. Đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện dịch vụ phải tự kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng, sản phẩm, xác định giá trị đề nghị thanh toán của từng hạng mục công việc của dịch vụ do đơn vị mình và đơn vị phối hợp thực hiện và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và pháp luật của nhà nước về kết quả thực hiện dịch vụ.

3. Chi phí kiểm tra, nghiệm thu được sử dụng, thanh toán và quyết toán theo chế độ hiện hành của nhà nước về quản lý tài chính.

Điều 7. Căn cứ để kiểm tra, nghiệm thu

1. Quyết định phê duyệt nội dung và dự toán dịch vụ của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp và các quy định hiện hành.

2. Quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản có liên quan.

3. Tài liệu, hồ sơ, sản phẩm liên quan đến việc thực hiện dịch vụ.

Điều 8. Công tác kiểm tra

1. Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra về kế hoạch, tiến độ kết quả thực hiện dịch vụ theo nội dung và dự toán đã phê duyệt.

b) Kiểm tra tính hợp pháp, mức độ phù hợp với quy trình, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện dịch vụ tự kiểm tra 100% khối lượng, chất lượng sản phẩm và tiến độ thực hiện từng hạng mục công việc; các khoản chi liên quan đến dịch vụ. Căn cứ kế hoạch và tiến độ thực hiện dịch vụ, đơn vị chủ trì chủ động thực hiện kiểm tra thường xuyên, đột xuất việc tổ chức thực hiện dịch vụ theo trách nhiệm của mình.

3. Kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập kế hoạch kiểm tra theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Thực hiện kiểm tra một phần theo chuyên đề hoặc toàn bộ nội dung dịch vụ tùy theo mục đích kiểm tra cụ thể của từng trường hợp.

4. Biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra của đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện dịch vụ là kết quả của hoạt động kiểm tra và là một trong những căn cứ để thực hiện nghiệm thu dịch vụ.

Điều 9. Công tác nghiệm thu

Căn cứ kế hoạch /hợp đồng/ quyết định giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, cơ quan, đơn vị nghiệm thu quyết định nội dung nghiệm thu, hồ sơ nghiệm thu và thời gian tổ chức nghiệm thu đảm bảo đúng quy định hiện hành của Luật Ngân sách và các văn bản liên quan.

1. Thủ trưởng đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu cấp cơ sở; chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên và trước pháp luật về kết quả nghiệm thu khối lượng, chất lượng sản phẩm do đơn vị mình và đơn vị phối hợp thực hiện.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu kết quả cung cấp sản phẩm, dịch vụ công. Tùy theo tính chất, quy mô của nhiệm vụ Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định phương pháp, hình thức nghiệm thu; kiểm tra chứng từ liên quan đảm bảo việc chi tiêu theo dự toán và chế độ tài chính hiện hành của nhà nước. Biên bản nghiệm thu là một trong những căn cứ pháp lý để đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp thực hiện thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện dịch vụ.

3. Trường hợp thành lập Hội đồng nghiệm thu, Thủ trưởng cơ quan nghiệm thu ra quyết định thành lập, Lãnh đạo cơ quan nghiệm thu làm Chủ tịch Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng đơn vị nghiệm thu kết quả nghiệm thu và các kiến nghị có liên quan đến nhiệm vụ được nghiệm thu; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Thủ trưởng cơ quan nghiệm thu về sự đúng đắn, khách quan của những kết quả nghiệm thu. Các ủy viên Hội đồng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu và Thủ trưởng đơn vị nghiệm thu về kết quả nghiệm thu được phân công.

Điều 10. Trách nhiệm lưu trữ hồ sơ nghiệm thu

1. Cơ quan quản lý có trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ hồ sơ nghiệm thu cấp quản lý, hồ sơ thẩm định nhiệm vụ hoàn thành các dịch vụ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

2. Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ nghiệm thu các cấp cùng hồ sơ quyết toán dịch vụ.

3. Nghiêm cấm việc giả mạo, làm sai lệch và thất lạc hồ sơ nghiệm thu dịch vụ.

Phụ lục 1**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng thực hiện dịch vụ Công tác phối giống (thụ tinh nhân tạo) bằng tinh bò thịt, bò sữa chất lượng cao và lợn giống cao sản trên địa bàn Thành phố**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Năng lực của đơn vị cung cấp dịch vụ	Đáp ứng theo yêu cầu Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
2	Về năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp vật tư, trang thiết bị	Đáp ứng theo yêu cầu Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ; Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và pháp luật chuyên ngành hiện hành. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
3	Kế hoạch triển khai thực hiện dịch vụ	Kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, tài liệu
4	Chất lượng sản phẩm vật tư cung ứng	- Đáp ứng quy định tại Luật Chăn nuôi và các Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) tương ứng gồm: TCVN 8925:2012 – Tinh bò sữa, bò thịt – Đánh giá chất lượng; TCVN 11910:2018- Quy trình giám định, bình tuyển lợn giống và các quy định chuyên ngành hiện hành. - Vật tư tiêu hao sử dụng để thụ tinh nhân tạo đáp ứng quy định về chất lượng sản phẩm hàng hoá theo quy định hiện hành	Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, tài liệu và kiểm tra thực tế tại cơ sở (có biên bản kiểm tra thực tế)

5	Nguồn gốc sản phẩm tinh	Tinh được sản xuất từ cơ sở đáp ứng quy định tại Điều 23 Luật Chăn nuôi	
6	Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo	Đáp ứng theo yêu cầu của Luật Chăn nuôi	Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, tài liệu
7	Xác định bò có chữa	Bò được khám chữa sau khi thụ tinh nhân tạo có xác nhận của UBND cấp xã, thú y xã, dẫn tinh viên, chủ cơ sở có bò trong đó nêu cụ thể phương pháp xác định bò có chữa theo một trong các phương pháp sau: - Chẩn đoán lâm sàng (<i>Phương pháp chẩn đoán bên ngoài, Phương pháp chẩn đoán qua âm đạo, Phương pháp chẩn đoán qua trực tràng</i>); - Chẩn đoán phi lâm sàng (Phương pháp siêu âm, Phương pháp định lượng progesterone).	Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, tài liệu và kiểm tra thực tế (nếu có)
8	Kết quả thực hiện	Đáp ứng về kỹ thuật, đúng phạm vi, đối tượng thực hiện và khối lượng sản phẩm, hàng hóa của dịch vụ	Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, tài liệu và kiểm tra thực tế (nếu có)

Phụ lục 2**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng
thực hiện dịch vụ bảo vệ và phát triển rừng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

I. Trồng, chăm sóc rừng; Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Về năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ
2	Về năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp vật tư, trang thiết bị	Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và pháp luật chuyên ngành hiện hành. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
3	Kế hoạch thực hiện dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
4	Hồ sơ thiết kế	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tài liệu
5	Thời gian, địa điểm, quy mô thực hiện	Phù hợp với thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ thiết kế và các biên bản kiểm tra hiện trường; Nhật ký thi công - Thời điểm kiểm tra, giám sát: + Theo quy định chuyên ngành hoặc cụ thể tại thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Đợt xuất theo yêu cầu của đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng.
6	Giống, vật tư	- Số lượng, chủng loại: + Phù hợp thiết kế đã được phê duyệt. + Theo định mức kinh tế	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ; Chứng từ thanh toán mua bán giống, vật tư; Danh sách

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
		kỹ thuật và quy trình của cơ quan có thẩm quyền ban hành. - Chất lượng: Đáp ứng các quy định về chất lượng hàng hóa hiện hành.	cấp phát giống, vật tư; các biên bản kiểm tra hiện trường; Nhật ký thi công. - Kiểm tra tại thực địa: Kiểm đếm số lượng; Kiểm tra quy cách, chất lượng - Thời điểm kiểm tra, giám sát: + Vào ngày giao nhận hoặc nghiệm thu theo kế hoạch đã được phê duyệt. + Đợt xuất theo yêu cầu của đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng.
7	Về thực hiện quy trình kỹ thuật	- Đúng với quy trình được ban hành. - Đúng với thiết kế được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Thiết kế được phê duyệt; các biên bản kiểm tra hiện trường; Nhật ký thi công; Nhật ký cán bộ chỉ đạo. - Thời điểm kiểm tra, giám sát, kiểm định: + Theo quy định chuyên ngành hoặc cụ thể tại thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Đợt xuất theo yêu cầu của đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng.
8	Cán bộ kỹ thuật chỉ đạo	- Số lượng, thời gian thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật. - Trình độ chuyên môn: phù hợp với yêu cầu của công việc, đáp ứng thiết kế đã được phê duyệt và quy định tại định mức kinh tế kỹ thuật đã được ban hành.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Bảng cấp chuyên môn; Nhật ký cán bộ chỉ đạo; Bảng chấm công cán bộ chỉ đạo; Báo cáo kết quả chỉ đạo - Thời điểm kiểm tra, giám sát: Đồng thời với các nội dung kiểm tra về các tiêu chí chất lượng khác.
9	Khối lượng, chất lượng thực hiện	Đáp ứng đầy đủ theo nội dung của thiết kế, dự toán bảo vệ rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu; - Kiểm tra thực địa:

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
			+ Đánh giá tiêu chí về khối lượng: kiểm tra thực địa toàn bộ diện tích, xác định vị trí ranh giới, đối chiếu với bản đồ thiết kế, khoanh vẽ và xác định tỷ lệ thực hiện bằng đo đạc trực tiếp. + Đánh giá tiêu chí chất lượng: theo các tiêu chuẩn kỹ thuật trồng rừng quy định trong thiết kế kỹ thuật được duyệt
10	Quản lý hồ sơ	Đảm bảo đầy đủ về khối lượng, chất lượng, thời gian theo quy định của pháp luật hiện hành	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và Kiểm tra thực tế

II. Khoán quản lý bảo vệ rừng:

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Về năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ
2	Kế hoạch thực hiện dịch vụ; hồ sơ thiết kế, dự toán bảo vệ rừng	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
3	Tiêu chí đối với cá nhân, tổ chức nhận khoán bảo vệ rừng	Đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật lâm nghiệp	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
4	Khối lượng, chất lượng thực hiện	Đáp ứng đầy đủ theo nội dung của Thiết kế, dự toán bảo vệ rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng nhận khoán.	- Kiểm tra thực địa, thực hiện kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất khi có vụ việc phát sinh.

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
			- Đánh giá tiêu chí về khối lượng: kiểm tra thực địa toàn bộ diện tích, xác định vị trí ranh giới, đối chiếu với bản đồ thiết kế, khoanh vẽ và xác định tỷ lệ thực hiện bằng đo đạc trực tiếp. - Đánh giá tiêu chí chất lượng: Theo các tiêu chuẩn kỹ thuật trồng rừng quy định trong thiết kế kỹ thuật được duyệt
5	Quản lý hồ sơ	Đảm bảo đầy đủ về khối lượng, chất lượng, thời gian theo quy định của pháp luật hiện hành	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và Kiểm tra thực tế

III. Giảm vật liệu cháy

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Về năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đầu thầu thực hiện dịch vụ
2	Kế hoạch thực hiện dịch vụ, Hồ sơ thiết kế	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra tài liệu
3	Thời gian, địa điểm, quy mô thực hiện	Phù hợp với thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Thiết kế được phê duyệt; các biên bản kiểm tra hiện trường; Nhật ký thi công; Nhật ký cán bộ chỉ đạo. - Thời điểm kiểm tra, giám sát, kiểm định:

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
4	Về thực hiện quy trình kỹ thuật	- Đúng với quy trình được ban hành. - Đúng với thiết kế được phê duyệt	+ Theo quy định chuyên ngành hoặc cụ thể tại thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Đột xuất theo yêu cầu của đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng.
5	Cán bộ kỹ thuật chỉ đạo	- Số lượng, thời gian thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật. - Trình độ chuyên môn: phù hợp với yêu cầu của công việc, đáp ứng thiết kế đã được phê duyệt và quy định tại định mức kinh tế kỹ thuật đã được ban hành.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Bảng cấp chuyên môn; Nhật ký cán bộ chỉ đạo; Bảng chấm công cán bộ chỉ đạo; Báo cáo kết quả chỉ đạo - Thời điểm kiểm tra, giám sát: Đồng thời với các nội dung kiểm tra về các tiêu chí chất lượng khác.
6	Khối lượng, chất lượng thực hiện	Đáp ứng đầy đủ theo nội dung của Thiết kế, dự toán bảo vệ rừng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hợp đồng nhận khoán.	- Kiểm tra thực địa, thực hiện kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất khi có vụ việc phát sinh. - Đánh giá tiêu chí về khối lượng: Kiểm tra thực địa toàn bộ diện tích, xác định vị trí ranh giới, đối chiếu với bản đồ thiết kế, khoanh vẽ và xác định tỷ lệ thực hiện bằng đo đạc trực tiếp. - Đánh giá tiêu chí chất lượng: Theo các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã quy định trong thiết kế kỹ thuật được duyệt
7	Quản lý hồ sơ	Đảm bảo đầy đủ về khối lượng, chất lượng, thời gian theo quy định của pháp luật hiện hành	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và Kiểm tra thực tế

Phụ lục 3**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng thực hiện dịch vụ thực hiện dịch vụ nuôi dưỡng, cứu hộ động vật hoang dã**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1.	Năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	- Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ - Đủ điều kiện tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng động vật hoang dã theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định hiện hành.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ
2.	Năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp vật tư, trang thiết bị	Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và pháp luật chuyên ngành hiện hành. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
3	Kế hoạch thực hiện dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
4	Nguồn gốc của động vật	Nguồn gốc rõ ràng Đáp ứng quy định về cứu hộ động vật hoang dã theo quy định của pháp luật chuyên ngành và Thành phố Hà Nội	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Công văn đề nghị cứu hộ của cơ quan, đơn vị, tổ chức. + Quyết định sở hữu toàn dân hoặc Bản án hoặc Quyết định xử lý vật chứng (phục vụ công tác thả, huỷ, chuyển giao động vật) - Thực hiện giám sát: + Đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận động vật hoang dã kiểm tra trực tiếp tại thời điểm giao nhận: Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và Kiểm tra thực tế.

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
			+ Đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng: Định kỳ vào thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm; Đợt xuất theo yêu cầu.
5	Người làm công tác tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng động vật	- Phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm - Có đủ sức khỏe theo quy định - Tuân thủ các quy định về an toàn lao động.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Bảng cấp chuyên môn nghiệp vụ. + Giấy khám sức khỏe - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Kiểm tra kỹ năng. + Mặc trang phục bảo hộ có phù hợp
6	Thực phẩm làm thức ăn	- Số lượng: + Theo định mức kinh tế kỹ thuật được cấp thẩm quyền đã ban hành hoặc định mức khẩu phần đã được duyệt trong trường hợp thú nuôi mới, chưa có định mức kỹ thuật quy định. - Chất lượng: Đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Hợp đồng cung cấp thực phẩm làm thức ăn cho động vật + Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở cung cấp thực phẩm làm thức ăn; + Biên bản bàn giao thực phẩm. - Kiểm tra thực địa: + Kiểm đếm số lượng so với khẩu phần; + Kiểm tra quy cách, chất lượng; + Đánh giá cảm quan bằng mắt thường.
7	Thực hiện quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng	Phù hợp với quy trình được cấp có thẩm quyền ban hành.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Sổ sách ghi chép hàng ngày - Kiểm tra thực địa + Kiểm tra vệ sinh chuồng trại, máng ăn, bể nước, sân bãi, cống rãnh;

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
			+ Đánh giá chất lượng vệ sinh, công tác thu dọn chất thải của động vật về nơi tập kết theo quy định; + Kiểm tra công tác chế biến thức ăn; + Đánh giá phương thức cho ăn có phù hợp từng loài động vật; + Làm đồ chơi, huấn luyện cho động vật; + Kiểm tra việc che chắn chống nóng, chống rét theo kế hoạch.
8	Sức khỏe của động vật	- Đáp ứng theo kế hoạch đã được phê duyệt. - Động vật khỏe mạnh, nhanh nhẹn.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Qua sổ sách ghi chép hàng ngày - Kiểm tra thực địa: + Đánh giá bên ngoài qua ngoại hình của động vật; + Đánh giá qua các hoạt động vận động; + Đánh giá qua quá trình ăn uống; + Đánh giá qua chất thải bài tiết.
8.1	Phòng bệnh	- Đúng với quy trình, định mức được ban hành. - Đúng với kế hoạch đã được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch phòng bệnh; + Kế hoạch vệ sinh, tiêu độc, khử trùng; + Đơn thuốc; + Phiếu xuất kho thuốc. - Kiểm tra thực địa (thời điểm tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc, khử trùng)

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
			+ Kiểm tra việc thực hiện các khâu trong quy trình tiêm phòng; vệ sinh, tiêu độc, khử trùng; + Làm việc với bác sĩ thú y. - Thực hiện Giám sát: + Đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận động vật hoang dã: Tại thời điểm tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, đột xuất. + Đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng: Định kỳ vào thời điểm tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc, khử trùng trong năm; Đột xuất theo yêu cầu.
8.2	Chữa bệnh	- Đúng với quy trình, định mức được ban hành. - Đúng với kế hoạch đã được phê duyệt - Chẩn đoán đúng bệnh, điều trị kịp thời, đúng phương pháp	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch điều trị bệnh hàng năm. + Biên bản hội chuẩn + Đơn thuốc + Phiếu xuất kho thuốc - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Kiểm tra động vật; + Làm việc với bác sĩ thú y - Thực hiện giám sát: + Đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận động vật hoang dã: Tại thời điểm điều trị động vật; đột xuất. + Đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng: Định kỳ vào thời điểm đầu năm, giữa năm, cuối năm; Đột xuất theo yêu cầu.

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
9	Thả, chuyển giao động vật hoang dã		
9.1	Quy trình thả động vật	Đúng với quy trình được ban hành	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe của động vật. + Văn bản đề nghị thả. + Văn bản đồng ý của chủ rừng. + Kế hoạch thả động vật hoang dã. + Hồ sơ của cơ quan Kiểm lâm. + Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật. + Phiếu xuất kho. + Biên bản thả động vật. + Báo cáo kết quả xử lý động vật rừng.
9.2	Quy trình chuyển giao	Đúng với quy trình được ban hành	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Văn bản đề nghị chuyển giao. + Quyết định chuyển giao. + Hồ sơ của cơ quan Kiểm lâm. + Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật. + Phiếu xuất kho. + Biên bản giao nhận động vật hoang dã. + Báo cáo kết quả xử lý động vật rừng. - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Kiểm, đếm số lượng.
10	Tiêu hủy động vật hoang dã		
10.1	Thời gian, địa điểm, số lượng, phương pháp	Đúng với quyết định, kế hoạch đã được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Quyết định tiêu hủy động vật hoang dã

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
			+ Kế hoạch tiêu hủy động vật hoang dã. - Kiểm tra thực tế: + Số lượng, chủng loại động vật bị tiêu hủy; + Phương pháp tiêu hủy
10.2	Người làm công tác tiêu hủy	- Được hướng dẫn kỹ thuật và vận hành thiết bị tiêu hủy đảm bảo đúng quy trình. - Có đủ sức khỏe theo quy định	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Bằng cấp chuyên môn nghiệp vụ. + Giấy khám sức khỏe - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Kỹ năng vận hành lò thiêu
10.3	Thiết bị phục vụ tiêu hủy	Đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn môi trường	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Hợp đồng mua bán lò thiêu; + Hợp đồng thuê quan trắc môi trường; + Báo cáo quan trắc khí thải (nếu có). - Kiểm tra thực tế.
10.4	Quy trình tiêu hủy	Đúng với quy trình được ban hành	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Phiếu xuất kho + Biên bản tiêu hủy + Báo cáo kết quả xử lý động vật rừng - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Kiểm, đếm số lượng
10.5	Kết quả tiêu hủy	Tiêu hủy động vật hoang dã đúng quy định	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: - Kiểm tra thực địa (nếu cần).
11	Quản lý động vật hoang dã		
11.1	Quản lý về mặt hồ sơ lý lịch	- Rõ ràng, đầy đủ, dễ tra cứu	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Lý lịch động vật

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
		- Cập nhật kịp thời giữa bản giấy và số liệu trên máy tính	+ Hồ sơ tiếp nhận + Hồ sơ thả, chuyển giao, chết, tiêu hủy + Phiếu nhập, xuất kho
11.2	Quản lý về mặt số lượng, chủng loại	Khớp với hồ sơ quản lý	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Sổ sách theo dõi hàng ngày. - Kiểm tra thực địa: + Kiểm, đếm số lượng thực tế.
11.3	Xử lý động vật chết	Đúng với quy trình được ban hành	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Biên bản về việc động vật hoang dã chết. + Biên bản mổ, khám bệnh tích (nếu có). + Kết quả xét nghiệm mẫu (nếu có). + Kiến nghị và biện pháp xử lý xác. - Kiểm tra thực địa: + Kiểm, đếm số lượng thực tế trong kho lạnh, tủ bảo quản xác
12	An toàn đối với người lao động	Người lao động an toàn trong quá trình tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng, tiêu hủy, chuyển, thả động vật hoang dã.	+ Kiểm tra hồ sơ. + Kiểm tra thực tế.
13	Quy trình nhân nuôi sinh sản	Thực hiện theo quy trình ban hành	Kiểm tra hồ sơ tài liệu: - Đối với hoạt động sinh sản có chủ đích: + Kiểm tra chất lượng con giống: Mang đầy đủ các đặc điểm hình thái đặc trưng của loài, thể trạng tốt, thần kinh linh hoạt.

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
			+ Đánh giá chất lượng con non: Con non sức khỏe tốt và phát triển bình thường. + Hồ sơ khẩu phần ăn. + Hồ sơ phòng và điều trị bệnh. - Đối với hoạt động sinh sản không có chủ đích (với những loài động vật đã mang thai trước khi giao cho Trung tâm; hoặc mang thai tự nhiên do sống bầy đàn như khỉ, vượn,...). + Hồ sơ tiếp nhận: biên bản giao nhận, biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe, + Hồ sơ khẩu phần ăn. + Hồ sơ phòng và điều trị bệnh.

Phụ lục 4**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng
thực hiện dịch vụ duy tu, bảo dưỡng đê điều**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	- Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. - Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và các điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành. - Phù hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn Việt Nam trong từng lĩnh vực hoạt động	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ
2	Năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn, vật tư, trang thiết bị	Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và pháp luật chuyên ngành hiện hành. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu Kiểm tra thực tế (nếu cần)
3	Kế hoạch cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công duy tu bảo dưỡng công trình đê điều	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
4	Hồ sơ cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công, dự toán	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ trình, quyết định phê duyệt

5	Thời gian, địa điểm thi công	Phù hợp với kế hoạch và hồ sơ cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Thông báo tổ chức triển khai thi công đến chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan. + Giấy mời bàn giao mặt bằng + Biên bản bàn giao mặt bằng - Kiểm tra thực tế
6	Nguyên vật liệu	Đúng về chủng loại, khối lượng, chất lượng theo quy định của pháp luật chuyên ngành và kế hoạch và hồ sơ cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và Kiểm tra thực tế theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định hiện hành có liên quan
7	Nhân sự thực hiện dịch vụ	Có số lượng và trình độ, năng lực phù hợp với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và kế hoạch và hồ sơ cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Bảng danh sách cán bộ, công nhân viên thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công duy tu đề đối chiếu với yêu cầu của các hạng mục công việc thực hiện. Tài liệu chứng minh bằng cấp, trình độ, thời gian Bảng chấm công Nhật ký thi công
8	Thiết bị thực hiện thi công	Có số lượng và năng lực phù hợp với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và kế hoạch và hồ sơ cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Bảng danh mục thiết bị thi công; các chứng chỉ, tài liệu có liên quan; Nhật ký thi công - Kiểm tra thực tế tại hiện trường
9	Biện pháp thi công	Phù hợp với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và kế hoạch và hồ sơ cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Nhật ký thi công, các biên bản kiểm tra, giám sát theo quy định

10	Công tác tổ chức thi công	Phù hợp với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành và kế hoạch và hồ sơ cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra công tác triển khai thi công đối chiếu với các quy định hiện hành: - Biên bản bàn giao mặt bằng kèm theo Hồ sơ hiện trạng, Phụ lục khối lượng, sơ họa hiện trạng (cụ thể chi tiết vị trí triển khai thực hiện) được xác nhận của các bên liên quan. - Biên bản kiểm tra máy móc thiết bị (nếu có). - Biên bản nghiệm thu vật tư, vật liệu đầu vào (nếu có). - Nhật ký thi công. - Biên bản nghiệm thu công việc, hạng mục công, sơ họa bản vẽ hoàn công. - Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng - Kiểm tra thực tế tại hiện trường.
11	Chất lượng công trình	Đáp ứng theo yêu cầu tại pháp luật chuyên ngành và các tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam cụ thể tại Kế hoạch cung cấp dịch vụ và hồ sơ cung cấp sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: Nhật ký thi công, các biên bản kiểm tra, giám sát, bản vẽ theo quy định - Kiểm tra thực tế tại hiện trường
12	Hồ sơ hoàn công	Đảm bảo đầy đủ về khối lượng, chất lượng theo quy định của pháp luật chuyên ngành	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và Kiểm tra thực tế
13	Hồ sơ nghiệm thu	Đảm bảo đầy đủ về khối lượng, chất lượng, thời gian theo quy định của pháp luật hiện hành	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và Kiểm tra thực tế

Phụ lục 5**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng thực hiện dịch vụ giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi***(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thực hiện dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi/tài nguyên nước theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước	Đối chiếu giấy đăng ký kinh doanh/Quyết định của đơn vị thực hiện nhiệm vụ
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi/tài nguyên nước theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước	Đối với các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án/gói thầu mà đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về kế hoạch thực hiện dịch vụ hàng năm	Nội dung Kế hoạch thực hiện dịch vụ phù hợp với Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
		Nội dung kế hoạch hàng năm có tính khả thi, phù hợp với thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung thực hiện trong kế hoạch hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
3	Tiêu chí về cán bộ thực hiện	Đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, có bằng cấp phù hợp với các chuyên ngành Kỹ thuật tài nguyên nước, Thủy văn, thủy văn - môi trường hoặc tương đương	Đối chiếu với hồ sơ năng lực của cán bộ thực hiện
4	Tiêu chí đánh giá kết quả xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước	Đáp ứng yêu cầu về tính toán xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước trong công trình thủy lợi, khuyến cáo sử dụng nước, cảnh báo mức độ rủi ro về nguồn nước, đảm bảo theo quy định của Thông tư số	Đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định

Phụ lục 6**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng thực hiện dịch vụ dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Tiêu chí đối với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thực hiện dịch vụ	Có đăng ký kinh doanh/Quyết định hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi/tài nguyên nước (chất lượng nước) theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước	Đối chiếu giấy đăng ký kinh doanh/Quyết định của đơn vị thực hiện nhiệm vụ
		Có kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi/tài nguyên nước (chất lượng nước) theo quy định của Luật Thủy lợi, Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên nước	Đối với các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án/gói thầu mà đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự
2	Tiêu chí về kế hoạch thực hiện dịch vụ hàng năm	Nội dung Kế hoạch thực hiện dịch vụ phù hợp với Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung Quy định kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
		Nội dung kế hoạch hàng năm có tính khả thi, phù hợp với thực tiễn được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đối chiếu nội dung thực hiện trong kế hoạch hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt
3	Tiêu chí về lựa chọn đơn vị đủ điều kiện về phòng thí nghiệm phân tích chất lượng nước	Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và Thông tư số 14/2019/TT-BNNPTNT	Đối chiếu với hồ sơ năng lực của đơn vị được lựa chọn thực hiện dịch vụ

4	Tiêu chí về phương pháp lấy mẫu, bảo quản, phân tích mẫu nước	Phương pháp lấy mẫu, bảo quản, phân tích mẫu: Theo tiêu chuẩn TCVN 8367:2020 và đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và Thông tư số 14/2019/TT-BNNPTNT	Đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định
5	Tiêu chí về cán bộ quan trắc mẫu	Đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, có bằng cấp phù hợp với các chuyên ngành thủy văn, thủy văn - môi trường, hoặc tương đương	Đối chiếu với hồ sơ năng lực của cán bộ thực hiện
6	Tiêu chí về cán bộ phân tích mẫu	Đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, có bằng cấp phù hợp với các chuyên ngành hóa học, thủy văn, thủy văn - môi trường, hoặc tương đương	Đối chiếu với hồ sơ năng lực của cán bộ thực hiện
7	Tiêu chí về cán bộ thực hiện dự báo chất lượng nước bằng mô hình	Đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, có bằng cấp phù hợp với các chuyên ngành Kỹ thuật tài nguyên nước, thủy văn - môi trường hoặc tương đương	Đối chiếu với hồ sơ năng lực của cán bộ thực hiện
8	Tiêu chí đánh giá kết quả dự báo	Đáp ứng yêu cầu tiêu chí dự báo chất lượng nước bằng mô hình theo quy định kỹ thuật, quy định tại Thông tư số 14/2019/TT BNNPTNT	Đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định
9	Tiêu chí về kết quả thực hiện	Đáp ứng số lượng, khối lượng và chất lượng theo đề cương được phê duyệt	Đối chiếu với nội dung Kế hoạch được duyệt hàng năm

Phụ lục 7

**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng
thực hiện dịch vụ phân tích, kiểm nghiệm và đánh giá, chứng nhận
chất lượng sản phẩm nông nghiệp, vật tư nông nghiệp và dịch vụ phân tích,
kiểm nghiệm vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp phục vụ công tác
quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

I. Hoạt động phân tích, kiểm nghiệm

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và các điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành. Phù hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn Việt Nam trong từng lĩnh vực hoạt động	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ (Gồm: Quyết định thành lập/giấy đăng ký kinh doanh; Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm; Quyết định công nhận/chỉ định năng lực kiểm nghiệm)
2	Năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp vật tư tiêu hao, dung môi, hóa chất, trang thiết bị, phụ kiện thay thế ...	Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và các điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành. Phù hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn Việt Nam theo quy định của từng lĩnh vực hoạt động. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (gồm: Hồ sơ năng lực/Hồ sơ dự thầu của đơn vị cung cấp theo quy định hiện hành và pháp luật đấu thầu)

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
3	Kế hoạch thực hiện dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (gồm: Hồ sơ trình Kế hoạch; Kế hoạch đặt hàng thực hiện dịch vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt)
4	Vật tư tiêu hao, dung môi, hoá chất, trang thiết bị, phụ kiện thay thế sử dụng.	Đúng về chủng loại, khối lượng, số lượng, chất lượng theo quy định của pháp luật chuyên ngành, yêu cầu chuyên môn và kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (gồm: Hợp đồng, biên bản bàn giao nghiệm thu; chứng từ kèm theo; hóa đơn tài chính) Kiểm tra thực tế; Kiểm định nếu cần.
5	Địa điểm lấy mẫu, khối lượng, số lượng chỉ tiêu thực hiện	Phù hợp với Kế hoạch thực hiện dịch vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (gồm: Báo cáo thống kê định kỳ; Các Phiếu yêu cầu kiểm nghiệm; Phiếu giao nhận mẫu nội bộ)
6	Thực hiện quy trình lấy mẫu, phân tích, kiểm nghiệm.	Đảm bảo tuân thủ đúng quy trình thực hiện lấy mẫu, phân tích, kiểm nghiệm đã được phê duyệt và được công nhận/chỉ định Phòng kiểm nghiệm đạt yêu cầu theo quy định hiện hành. Đảm bảo quy định về tiêu chuẩn người lấy mẫu theo quy định chuyên ngành	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (gồm: Các phương pháp thử đã được phê duyệt, công nhận/chỉ định; Quan trắc gốc/Nhật ký thực hiện phân tích, kiểm nghiệm); Chứng chỉ/chứng nhận người lấy mẫu
7	Năng lực người thực hiện phân tích, kiểm nghiệm.	Đảm bảo tuân thủ đúng, đủ kiểm nghiệm viên làm theo quy trình đào tạo; Quy trình thực hiện phân tích, kiểm nghiệm, trả kết quả và Phương pháp thử được phê duyệt, công nhận/chỉ định;	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Bảng tổng hợp năng lực kiểm nghiệm viên; Hồ sơ năng lực kiểm nghiệm viên thực hiện)

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
8	Thực hiện quy trình trả kết quả phân tích, kiểm nghiệm, báo cáo kết quả phân tích, kiểm nghiệm	Đảm bảo tuân thủ đúng quy trình thực hiện trả kết quả đã được phê duyệt, công nhận/chỉ định; yêu cầu về báo cáo kết quả kiểm nghiệm cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định/kế hoạch.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Phiếu trả kết quả nội bộ; Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Báo cáo kết quả phân tích, kiểm nghiệm định kỳ)
9	Quản lý hồ sơ	Đảm bảo đầy đủ về khối lượng, số lượng, chất lượng, thời gian theo quy định của pháp luật hiện hành và Kế hoạch thực hiện dịch vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và Kiểm tra thực tế.

II. Hoạt động đánh giá, chứng nhận:

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Về năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và các điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành. Phù hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn Việt Nam trong từng lĩnh vực hoạt động	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ (Gồm: Quyết định thành lập/giấy đăng ký kinh doanh; Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng nhận; Quyết định công nhận/chỉ định năng lực chứng nhận)
2	Về năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp vật tư, trang thiết bị và dịch vụ phụ trợ liên quan.	Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và các điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành. Phù hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Hồ sơ năng lực/Hồ sơ dự thầu của đơn vị cung cấp theo quy định hiện hành và pháp luật đấu thầu)

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
		Việt Nam theo quy định của từng lĩnh vực hoạt động. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	
3	Kế hoạch thực hiện dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Hồ sơ trình Kế hoạch; Kế hoạch đặt hàng thực hiện dịch vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt)
4	Vật tư, trang thiết bị và dịch vụ phụ trợ liên quan.	Đúng về chủng loại, khối lượng, số lượng, chất lượng theo quy định của pháp luật chuyên ngành, yêu cầu chuyên môn và kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Hợp đồng, biên bản bàn giao nghiệm thu; chứng từ kèm theo; hóa đơn tài chính) Kiểm tra thực tế; Kiểm định nếu cần.
5	Khối lượng, số lượng, phạm vi chứng nhận thực hiện	Phù hợp với Kế hoạch thực hiện dịch vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Báo cáo thống kê định kỳ; Các Giấy đăng ký chứng nhận; Giấy xem xét hồ sơ đăng ký chứng nhận)
6	Quy trình thực hiện đánh giá	Đảm bảo tuân thủ đúng quy trình thực hiện đánh giá, chứng nhận đã được phê duyệt và được công nhận/chỉ định theo đúng quy định của pháp luật hiện hành	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Các Hướng dẫn đánh giá đã được phê duyệt, công nhận/chỉ định; Kế hoạch đánh giá tại cơ sở; Báo cáo đánh giá; báo cáo thẩm tra hành động khắc phục; báo cáo kết quả kiểm nghiệm mẫu điển hình)
7	Quy trình thẩm xét,	Đảm bảo tuân thủ đúng quy	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
	cấp chứng nhận, công bố thông tin và báo cáo kết quả thực hiện	trình thẩm xét hồ sơ, cấp chứng nhận đã được phê duyệt và được công nhận/chỉ định theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; yêu cầu về thông báo chứng nhận cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định/kế hoạch.	(Gồm: Báo cáo thẩm xét hồ sơ; Quyết định chứng nhận; giấy chứng nhận; giấy ủy quyền sử dụng dấu hiệu chứng nhận; thông báo duy trì hiệu lực chứng nhận sau giám sát định kỳ) Kiểm tra thực tế, hồ sơ: Công bố thông tin chứng nhận; Báo cáo kết quả chứng nhận định kỳ;
8	Năng lực người thực hiện xem xét hồ sơ, đánh giá, thẩm xét hồ sơ chứng nhận	Đảm bảo tuân thủ đúng, đủ chuyên gia đánh giá theo Quy trình đào tạo; Quy trình Đánh giá chứng nhận được phê duyệt, và được công nhận/chỉ định theo đúng quy định của pháp luật hiện hành	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Bảng tổng hợp Danh sách chuyên gia đánh giá; Hồ sơ năng lực chuyên gia đánh giá thực hiện)
9	Quản lý hồ sơ	Đảm bảo đầy đủ về khối lượng, số lượng, chất lượng, thời gian theo quy định của pháp luật hiện hành và Kế hoạch thực hiện dịch vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và Kiểm tra thực tế.

Phụ lục 8**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng thực hiện dịch vụ hoạt động Khuyến nông: thông tin, tuyên truyền, đào tạo, mô hình**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Hoạt động thông tin, tuyên truyền, đào tạo**1. Tập huấn**

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Về năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	- Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ
2	Về năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn, vật tư, trang thiết bị	Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và pháp luật chuyên ngành hiện hành. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu Kiểm tra thực tế (nếu cần)
3	Kế hoạch thực hiện dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
4	Thời gian, địa điểm, quy mô, đối tượng tập huấn	Đúng với định mức kinh tế kỹ thuật và kế hoạch đã được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch tổ chức tập huấn. + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách học viên tham gia tập huấn. + Tài liệu tập huấn + Ảnh chụp hội nghị tập huấn - Kiểm tra thực địa (nếu cần)

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
5	Giảng viên, trợ giảng	Đúng với định mức kinh tế kỹ thuật và kế hoạch được phê duyệt; Bằng cấp/chứng chỉ/chứng nhận chuyên môn phù hợp với nội dung tập huấn; Có kinh nghiệm trong lĩnh vực giảng dạy, làm việc liên quan tới nội dung tập huấn.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch tổ chức tập huấn. + Bản sao bằng cấp/chứng chỉ/chứng nhận chuyên môn của giảng viên, trợ giảng liên quan tới nội dung tập huấn + Bản sao căn cước công dân của giảng viên, trợ giảng. + Tài liệu tập huấn + Chứng từ thanh toán tiền công giảng, trợ giảng. - Kiểm tra thực tế (nếu cần).
6	Tài liệu tập huấn	- Số lượng đúng với kế hoạch được phê duyệt. - Nội dung của tài liệu phải phù hợp với chủ đề tập huấn	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách cấp phát tài liệu cho học viên. + Tài liệu tập huấn. + Chứng từ thanh toán việc chuẩn bị tài liệu. - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với học viên. + Kiểm, đếm thực tế.
7	Hỗ trợ	- Đúng với kế hoạch được phê duyệt. - Theo mức quy định của cơ quan có thẩm quyền	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách cấp phát các nội dung hỗ trợ cho học viên. + Chứng từ thanh toán việc mua sắm, cấp phát. - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với học viên. + Kiểm, đếm thực tế.

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
8	Hoạt động tham quan	Đúng với kế hoạch được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch tổ chức tập huấn. + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách học viên tham gia tham quan có xác nhận của nơi tham quan. + Danh sách học viên nhận các nội dung hỗ trợ khi tham quan. + Chứng từ thanh toán các nội dung thực hiện, hỗ trợ. + Ảnh chụp tham quan - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với địa điểm tới tham quan. + Kiểm, đếm thực tế.
9	Hiệu quả tập huấn	Đúng kế hoạch được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu, báo cáo kết quả tập huấn. - Kiểm tra thực địa (nếu cần)

2. Hoạt động tổ chức sự kiện (Diễn đàn, Tọa đàm, Hội nghị, Hội thảo,...)

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	- Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ
2	Năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn, vật tư, trang thiết bị	Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và pháp luật chuyên ngành hiện hành. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu - Kiểm tra thực tế (nếu cần)

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
3	Kế hoạch thực hiện dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
4	Thời gian, địa điểm, quy mô, đại biểu	Đúng với kế hoạch được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch tổ chức sự kiện. + Giấy mời. + Danh sách đại biểu tham gia sự kiện. + Tài liệu sự kiện + Ảnh chụp sự kiện - Kiểm tra thực địa (nếu cần)
5	Chuyên gia, nhà khoa học	- Đúng với định mức kinh tế kỹ thuật và kế hoạch được phê duyệt - Bằng cấp/chứng chỉ/chứng nhận chuyên môn phù hợp với nội dung sự kiện. - Có kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan tới nội dung sự kiện.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch tổ chức sự kiện. + Bản sao bằng cấp chuyên môn chuyên gia, nhà khoa học. + Bản sao căn cước công dân của chuyên gia, nhà khoa học. + Tài liệu sự kiện + Chứng từ thanh toán tiền công chuyên gia, nhà khoa học. - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với chuyên gia, nhà khoa học + Làm việc với đại biểu.
6	Tài liệu sự kiện	- Số lượng đúng với kế hoạch được phê duyệt. - Nội dung của tài liệu phải phù hợp với chủ đề của sự kiện	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Giấy mời. + Danh sách cấp phát tài liệu cho đại biểu. + Tài liệu sự kiện. + Chứng từ thanh toán chuẩn bị tài liệu - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với đại biểu. + Kiểm, đếm thực tế.

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
7	Nội dung hỗ trợ	- Đúng với kế hoạch được phê duyệt. - Theo mức quy định của cơ quan có thẩm quyền	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch tổ chức sự kiện + Giấy mời. + Danh sách cấp phát các nội dung hỗ trợ cho đại biểu. + Chứng từ thanh toán việc mua sắm, cấp phát các nội dung hỗ trợ. - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với học viên. + Kiểm, đếm thực tế.
8	Hiệu quả của sự kiện	Đúng kế hoạch được phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu, Phiếu đánh giá (nếu có); Báo cáo kết quả sự kiện.

3. Hoạt động xuất bản ấn phẩm (Ấn phẩm dạng in)

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	- Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ
2	Năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn, vật tư, trang thiết bị	Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và pháp luật chuyên ngành hiện hành. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu - Kiểm tra thực tế (nếu cần)
3	Kế hoạch thực hiện dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
4	Số lượng, quy mô, tần suất xuất bản	Đúng với kế hoạch được phê duyệt.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch xuất bản ấn phẩm + Giấy phép xuất bản ấn phẩm + Danh sách nộp lưu chiểu ấn phẩm + Danh sách cấp phát ấn phẩm + Chứng từ thanh toán việc thiết kế, hoàn thiện ấn phẩm - Kiểm, đếm thực tế (nếu cần)
5	Nội dung, chất lượng	- Phù hợp với kế hoạch được phê duyệt. - Đúng với quy định về chất lượng ấn phẩm của các cơ quan có thẩm quyền	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch xuất bản ấn phẩm + Biên bản thẩm định của Ban biên tập. + Ma kết ấn phẩm + Giấy phép xuất bản ấn phẩm + Ấn phẩm - Kiểm, đếm thực tế (nếu cần): + Làm việc với đơn vị thẩm định chuyên môn. + Làm việc với tác giả của tin, bài, ảnh.. được sử dụng trong ấn phẩm. + Sử dụng dụng cụ đo đạc
6	Kết quả phát hành	Đúng với kế hoạch được phê duyệt.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch xuất bản ấn phẩm + Giấy phép xuất bản ấn phẩm + Danh sách nộp lưu chiểu ấn phẩm + Danh sách cấp phát ấn phẩm. + Báo cáo kết quả phát hành (nếu có) - Kiểm, đếm thực tế (nếu cần): + Làm việc với các đơn vị chuyên môn - Kiểm, đếm thực tế (nếu cần)

II. Mô hình khuyến nông:

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Về năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	- Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ
2	Về năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn, vật tư, trang thiết bị	Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và pháp luật chuyên ngành hiện hành. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu Kiểm tra thực tế (nếu cần)
3	Kế hoạch thực hiện dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
4	Thời gian, địa điểm, quy mô thực hiện	Đúng với kế hoạch đã được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch triển khai mô hình cụ thể. + Đơn xin tham gia mô hình. + Biên bản chọn điểm, chọn hộ + Biên bản thẩm định công tác chọn điểm, chọn hộ + Biên bản kiểm tra tiến độ. + Biên bản nghiệm thu cơ sở. + Nhật ký cán bộ chỉ đạo mô hình + Biên bản nghiệm thu mô hình - Kiểm tra thực địa (nếu cần)
5	Giống, vật tư thiết yếu		

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
5.1	Giống, vật tư thiết yếu hỗ trợ của mô hình	- Số lượng: + Theo kế hoạch đã được phê duyệt. + Theo định mức kinh tế kỹ thuật và quy trình của cơ quan có thẩm quyền ban hành. - Chất lượng: + Đáp ứng các quy định về chất lượng hàng hóa hiện hành.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ. + Chứng từ thanh toán mua bán giống, vật tư thiết yếu. + Danh sách cấp phát giống, vật tư thiết yếu tới đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện mô hình. + Biên bản kiểm tra tiến độ. + Biên bản nghiệm thu cơ sở. + Biên bản nghiệm thu mô hình - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Kiểm đếm số lượng. + Kiểm tra quy cách, chất lượng
5.2	Giống, Vật tư thiết yếu đối ứng của mô hình	- Số lượng: + Theo kế hoạch đã được phê duyệt. + Theo định mức kinh tế kỹ thuật và quy trình của cơ quan có thẩm quyền ban hành. - Chất lượng: + Đáp ứng các quy định về chất lượng hàng hóa hiện hành.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ. + Chứng từ thanh toán mua bán giống, vật tư thiết yếu. + Danh sách cấp phát giống, vật tư thiết yếu đối ứng đối với đơn vị thực hiện mô hình. + Biên bản kiểm tra tiến độ. + Biên bản nghiệm thu cơ sở. + Biên bản nghiệm thu mô hình - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Kiểm đếm số lượng. + Kiểm tra quy cách, chất lượng
6	Thực hiện quy trình kỹ thuật	- Đúng với quy trình được ban hành. - Đúng với kế hoạch được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch triển khai mô hình cụ thể. + Biên bản kiểm tra tiến độ, cơ sở. + Nhật ký cán bộ chỉ đạo mô hình + Biên bản nghiệm thu mô hình.

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
7	Cán bộ kỹ thuật chỉ đạo	- Số lượng, thời gian thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật. - Trình độ chuyên môn: Phù hợp với yêu cầu của mô hình đáp ứng kế hoạch đã được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Bảng cấp chuyên môn. + Nhật ký cán bộ chỉ đạo. + Bảng chấm công cán bộ chỉ đạo. + Báo cáo kết quả chỉ đạo mô hình
8	Tập huấn trong và ngoài mô hình	- Thời gian, địa điểm, quy mô, nội dung, đối tượng tập huấn theo định mức kinh tế kỹ thuật và kế hoạch được phê duyệt. - Mức hỗ trợ theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch triển khai mô hình cụ thể. + Giấy mời tập huấn. + Danh sách học viên tham gia tập huấn. + Tài liệu tập huấn. + Chứng từ thanh toán các nội dung hỗ trợ. + Báo cáo kết quả thực hiện mô hình - Tham gia thực địa (nếu cần)
9	Năng suất, chất lượng, sản lượng mô hình	Đáp ứng theo kế hoạch đã được phê duyệt.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch triển khai mô hình. + Nhật ký cán bộ chỉ đạo + Báo cáo kết quả thực hiện mô hình. - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với đơn vị, cá nhân thực hiện mô hình. + Kiểm, đếm thực tế kết quả thực hiện mô hình.

Phụ lục 9

**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng
thực hiện dịch vụ hoạt động phát triển sản xuất nông nghiệp
trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Về năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	- Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ
2	Về năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn, vật tư, trang thiết bị	Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và pháp luật chuyên ngành hiện hành. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu Kiểm tra thực tế (nếu cần)
3	Kế hoạch thực hiện dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
4	Tập huấn, đào tạo, Hội nghị, Hội thảo		
4.1	Thời gian, địa điểm, quy mô, đối tượng tập huấn, đại biểu tham dự Hội nghị, Hội thảo	Đúng với định mức kinh tế kỹ thuật và kế hoạch đã được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch tổ chức tập huấn. + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách học viên tham gia tập huấn, đại biểu tham dự. + Tài liệu tập huấn, Hội nghị, Hội thảo - Kiểm tra thực địa (nếu cần)

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
4.2	Giảng viên, trợ giảng,	- Đúng với định mức kinh tế kỹ thuật và kế hoạch được phê duyệt - Bảng cấp chuyên môn phù hợp với chủ đề tập huấn	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Bản sao bằng cấp chuyên môn của giảng viên, trợ giảng. + Bản sao căn cước công dân của giảng viên, trợ giảng. + Chứng từ thanh toán tiền công giảng, trợ giảng. - Kiểm tra thực tế (nếu cần)
4.3	Tài liệu tập huấn, Hội nghị, Hội thảo	- Số lượng đúng với kế hoạch được phê duyệt. - Nội dung của tài liệu phải phù hợp với chủ đề tập huấn, Hội nghị, Hội thảo	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách cấp phát tài liệu cho học viên. + Tài liệu tập huấn. + Hóa đơn tài chính (nếu có) và Chứng từ thanh toán. - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với học viên. + Kiểm, đếm thực tế.
4.4	Hỗ trợ học viên, đại biểu tham dự	- Đúng với kế hoạch được phê duyệt. - Theo mức quy định của cơ quan có thẩm quyền	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách cấp phát các nội dung hỗ trợ cho học viên, đại biểu tham dự có xác nhận của nơi tổ chức. + Chứng từ thanh toán - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với học viên. + Kiểm, đếm thực tế.

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
4.5	Hoạt động tham quan (nếu có đối với hoạt động tập huấn, đào tạo)	Đúng với kế hoạch được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch tổ chức tập huấn. + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách học viên tham gia tham quan có xác nhận của nơi tham quan. + Danh sách học viên nhận các nội dung hỗ trợ khi tham quan. + Chứng từ thanh toán các nội dung thực hiện, hỗ trợ. + Ảnh chụp tham quan - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với địa điểm tới tham quan. + Kiểm, đếm thực tế.
4.6	Hiệu quả tập huấn, Hội nghị, Hội thảo	Đúng kế hoạch được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu, báo cáo kết quả tập huấn, Hội nghị, Hội thảo. - Kiểm tra thực địa (nếu cần)
5	Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất		
5.1	Thời gian, địa điểm, quy mô thực hiện	Đúng với kế hoạch đã được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch triển khai cụ thể. + Đơn xin tham gia + Biên bản chọn điểm, chọn hộ + Biên bản kiểm tra tiến độ. + Biên bản nghiệm thu cơ sở. + Nhật ký cán bộ chỉ đạo + Biên bản nghiệm thu - Kiểm tra thực địa (nếu cần)

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
5.2	Giống, vật tư thiết yếu hỗ trợ	- Số lượng: + Theo kế hoạch đã được phê duyệt. + Theo định mức kinh tế kỹ thuật và quy trình của cơ quan có thẩm quyền ban hành. - Chất lượng: + Đáp ứng các quy định về chất lượng hàng hóa hiện hành.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ. + Chứng từ thanh toán mua bán giống, vật tư thiết yếu. + Danh sách cấp phát giống, vật tư thiết yếu tới đơn vị, cá nhân tham gia thực hiện. + Biên bản giao nhận. + Biên bản nghiệm thu cơ sở. + Biên bản nghiệm thu - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Kiểm đếm số lượng. + Kiểm tra quy cách, chất lượng
5.3	Giống, Vật tư thiết yếu đối ứng	- Số lượng: + Theo kế hoạch đã được phê duyệt. + Theo định mức kinh tế kỹ thuật và quy trình của cơ quan có thẩm quyền ban hành. - Chất lượng: + Đáp ứng các quy định về chất lượng hàng hóa hiện hành.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ. + Chứng từ thanh toán mua bán giống, vật tư thiết yếu. + Danh sách cấp phát giống, vật tư thiết yếu đối ứng đối với đơn vị thực hiện + Biên bản giao nhận + Biên bản nghiệm thu cơ sở. + Biên bản nghiệm thu - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Kiểm đếm số lượng. + Kiểm tra quy cách, chất lượng

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
5.4	Thực hiện quy trình kỹ thuật	- Đúng với quy trình được ban hành. - Đúng với kế hoạch được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch triển khai mô hình cụ thể. + Biên bản kiểm tra tiến độ, cơ sở. + Nhật ký cán bộ chỉ đạo + Biên bản nghiệm thu
5.5	Cán bộ kỹ thuật chỉ đạo	- Số lượng, thời gian thực hiện theo định mức kinh tế kỹ thuật. - Trình độ chuyên môn: phù hợp với yêu cầu của mô hình đáp ứng kế hoạch đã được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Bảng cấp chuyên môn. + Nhật ký cán bộ chỉ đạo. + Bảng chấm công cán bộ chỉ đạo. + Báo cáo kết quả chỉ đạo
5.6	Năng suất, chất lượng, sản lượng mô hình	Đáp ứng theo kế hoạch đã được phê duyệt.	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch triển khai + Nhật ký cán bộ chỉ đạo + Báo cáo kết quả thực hiện - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với đơn vị, cá nhân thực hiện + Kiểm, đếm thực tế kết quả thực hiện

Phụ lục 10**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng thực hiện dịch vụ theo dõi đánh giá về môi trường trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội***(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Về năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	- Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ - Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và các điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành. - Phù hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn Việt Nam trong từng lĩnh vực hoạt động	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ (Gồm: Quyết định thành lập/giấy đăng ký kinh doanh; các nhiệm vụ/hợp đồng/dự án/kế hoạch đơn vị đã thực hiện có tính chất tương tự)
2	Về năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn, vận chuyển	Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ. Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và các điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành. Phù hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn Việt Nam trong từng lĩnh vực hoạt động Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Hồ sơ năng lực/Hồ sơ dự thầu của đơn vị cung cấp theo quy định hiện hành và pháp luật đấu thầu)

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
3	Kế hoạch thực hiện dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
4	Khối lượng, số lượng, chủng loại chỉ tiêu giám sát thực hiện	Phù hợp với Kế hoạch thực hiện dịch vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Báo cáo thống kê định kỳ; Các biên bản hiện trường, giấy giao nhận mẫu, kết quả xét nghiệm các chỉ tiêu..)
5	Chất lượng giám sát	Đúng với quy định của pháp luật chuyên ngành và Kế hoạch được phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
6	Quy trình thực hiện công tác quan trắc, lấy mẫu	Đảm bảo tuân thủ đúng quy trình thực hiện quan trắc, lấy mẫu đã được phê duyệt, công nhận/chỉ định	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Các phương pháp quan trắc, lấy mẫu đã được phê duyệt, công nhận/chỉ định; nhật ký quan trắc, lấy mẫu; Biên bản lấy mẫu tại hiện trường; ảnh chụp; tọa độ điểm lấy mẫu)
7	Năng lực người thực hiện quan trắc, lấy mẫu	Có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn, có bằng cấp phù hợp theo quy định	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu (Gồm: Bảng tổng hợp năng lực cán bộ quan trắc, lấy mẫu; Hồ sơ, bằng cấp phù hợp theo quy định)
8	Tiến độ thực hiện	Đảm bảo theo Kế hoạch được duyệt	Kiểm tra báo cáo tiến độ; kết quả triển khai thực tế
9	Quản lý hồ sơ	Đảm bảo đầy đủ về khối lượng, số lượng, chất lượng, thời gian theo quy định của pháp luật hiện hành và Kế hoạch thực hiện dịch vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu và Kiểm tra thực tế.

Phụ lục 11

**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng
thực hiện dịch vụ tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường
trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Tuyên truyền, tập huấn

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Về năng lực đơn vị cung cấp dịch vụ	- Đáp ứng theo yêu cầu tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu trước khi giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu thực hiện dịch vụ
2	Về năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn, vật tư, trang thiết bị	Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và pháp luật chuyên ngành hiện hành. Đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm, nhân sự, tài chính để đảm bảo hoàn thành kế hoạch	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu Kiểm tra thực tế (nếu cần)
3	Kế hoạch thực hiện dịch vụ	Được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
4	Tập huấn, đào tạo, Hội nghị, Hội thảo		
4.1	Thời gian, địa điểm, quy mô, đối tượng tập huấn, đại biểu tham dự Hội nghị, Hội thảo	Đúng với định mức kinh tế kỹ thuật và kế hoạch đã được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch tổ chức tập huấn. + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách học viên tham gia tập huấn, đại biểu tham dự. + Tài liệu tập huấn, Hội nghị, Hội thảo + Ảnh chụp hội nghị tập huấn, Hội nghị, Hội thảo - Kiểm tra thực địa (nếu cần)

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
4.2	Giảng viên, trợ giảng,	- Đúng với định mức kinh tế kỹ thuật và kế hoạch được phê duyệt - Bằng cấp chuyên môn phù hợp với chủ đề tập huấn	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch tổ chức tập huấn. + Bản sao bằng cấp chuyên môn của giảng viên, trợ giảng. + Bản sao căn cước công dân của giảng viên, trợ giảng. + Tài liệu tập huấn, Hội nghị, Hội thảo + Chứng từ thanh toán tiền công giảng, trợ giảng. - Kiểm tra thực tế (nếu cần)
4.3	Tài liệu tập huấn, Hội nghị, Hội thảo	- Số lượng đúng với kế hoạch được phê duyệt. - Nội dung của tài liệu phải phù hợp với chủ đề tập huấn, Hội nghị, Hội thảo	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách cấp phát tài liệu cho học viên. + Tài liệu tập huấn. + Chứng từ thanh toán việc chuẩn bị tài liệu. - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với học viên. + Kiểm, đếm thực tế.
4.4	Hỗ trợ học viên, đại biểu tham dự	- Đúng với kế hoạch được phê duyệt. - Theo mức quy định của cơ quan có thẩm quyền	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách cấp phát các nội dung hỗ trợ cho học viên, đại biểu tham dự. + Chứng từ thanh toán việc mua sắm, cấp phát. - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với học viên. + Kiểm, đếm thực tế.

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
4.5	Hoạt động tham quan (nếu có đối với hoạt động tập huấn, đào tạo)	Đúng với kế hoạch được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu: + Kế hoạch tổ chức tập huấn. + Giấy mời hoặc triệu tập. + Danh sách học viên tham gia tham quan có xác nhận của nơi tham quan. + Danh sách học viên nhận các nội dung hỗ trợ khi tham quan. + Chứng từ thanh toán các nội dung thực hiện, hỗ trợ. + Ảnh chụp tham quan - Kiểm tra thực địa (nếu cần): + Làm việc với địa điểm tới tham quan. + Kiểm, đếm thực tế.
4.6	Hiệu quả tập huấn, Hội nghị, Hội thảo	Đúng kế hoạch được phê duyệt	- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu, báo cáo kết quả tập huấn, Hội nghị, Hội thảo. - Kiểm tra thực địa (nếu cần)

Phụ lục 12

**Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng; đánh giá, kiểm định chất lượng
thực hiện dịch vụ cung ứng sản phẩm công ích “Sản xuất, cung ứng,
lưu giữ giống gốc giống gà Mía 01 ngày tuổi”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng
1	Năng lực của đơn vị cung cấp dịch vụ	Đáp ứng theo yêu cầu Nghị định số 32/2019/NĐ- CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
2	Về năng lực của các tổ chức, cá nhân cung cấp vật tư, trang thiết bị	Đáp ứng theo yêu cầu Nghị định số 32/2019/NĐ- CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ; Đáp ứng theo yêu cầu của pháp luật về đấu thầu và pháp luật chuyên ngành hiện hành	Kiểm tra hồ sơ, tài liệu
3	Kế hoạch triển khai thực hiện dịch vụ	Kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, tài liệu
4	Chất lượng sản phẩm	- Đáp ứng quy định tại Luật Chăn nuôi và Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) tương ứng gồm: TCVN 12469-2:2018 – Gà giống nội - Phần 2: Gà Mía	Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, tài liệu và kiểm tra thực tế tại cơ sở (có biên bản kiểm tra thực tế)
5	Nguồn gốc sản phẩm	- Cơ sở sản xuất đáp ứng quy định tại Điều 23 Luật Chăn nuôi - Gà Mía được công nhận giống gốc	Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, tài liệu và kiểm tra thực tế (nếu có)
6	Kết quả thực hiện	Đáp ứng về kỹ thuật, đúng phạm vi, đối tượng thực hiện và khối lượng sản phẩm, hàng hóa của dịch vụ	Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ, tài liệu và kiểm tra thực tế (nếu có)